BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2017/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2017*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa dân chủ Xri Lan-ca, ký tại Cô-lôm-bô ngày 07 tháng 4 năm 2014, có hiệu lực với Việt Nam kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
Q. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH

VỀ

CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DÂN CHỦ XRI LAN-CA

HIỆP ĐỊNH
VỀ
CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DÂN CHỦ XRI LAN-CA

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa dân chủ Xri Lan-ca (sau đây gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên),

Với mong muốn tạo điều kiện thuận lợi để những người bị kết án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng ở đất nước của họ,

Nhận thức rằng có thể đạt được mục tiêu này bằng cách tạo cơ hội cho người nước ngoài bị kết án phạt tù do phạm tội, được thi hành hình phạt ở đất nước của mình,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Giải thích từ ngữ

Trong Hiệp định này:

(a) "Bản án" là quyết định hoặc lệnh của Tòa án tuyên hình phạt;

(b) "Bên nhận" là Nước mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt hoặc tiếp tục thi hành hình phạt;

(c) "Bên chuyển giao" là Nước từ đó mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao;

(d) "Hình phạt" là hình phạt tù có thời hạn hoặc chung thân do Toà án tuyên khi thực thi thẩm quyền tài phán hình sự của Tòa án;

(e) "Người bị kết án" là người đang thi hành hình phạt tù theo bản án của Toà án được thành lập theo luật pháp hiện hành của các Bên.

ĐIỀU 2

Các nguyên tắc chung

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên, các Bên sẽ dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Người bị kết án trên lãnh thổ một Bên có thể được chuyển giao sang lãnh thổ Bên kia theo Hiệp định này, để thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên đối với người đó. Để thực hiện điều này, người bị kết án nên bày tỏ nguyện vọng được chuyển giao.

3. Việc chuyển giao có thể được yêu cầu bởi người bị kết án là công dân của một Bên hoặc bởi bất kỳ người nào khác cũng là công dân của một Bên và là người đại diện hợp pháp của người bị kết án bằng việc gửi đơn đến một trong hai Bên, phù hợp với pháp luật của Bên đó.

4. Việc chuyển giao người bị kết án cũng có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận yêu cầu.

ĐIỀU 3

Cơ quan trung ương

1. Vì mục đích thực thi Hiệp định này, mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan trung ương.

2. Cơ quan trung ương của các Bên thực hiện Hiệp định này là:

- Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Công an;

- Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa dân chủ Xri Lan-ca: Bộ phụ trách về Tư pháp.

3. Trong trường hợp một trong hai Bên thay đổi Cơ quan trung ương của mình thì sẽ thông báo qua kênh ngoại giao cho Bên kia về việc thay đổi này ngay khi có thể.

4. Cơ quan trung ương của các Bên sẽ liên lạc trực tiếp với nhau vì mục đích của Hiệp định này, trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác.

ĐIỀU 4

Điều kiện chuyển giao

1. Theo Hiệp định này, người bị kết án chỉ có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

(a) Người bị kết án là công dân của Bên nhận;

(b) Bản án đã có hiệu lực pháp luật và không còn bất kỳ thủ tục tố tụng nào đang chờ tiến hành đối với người bị kết án tại Bên chuyển giao;

(c) Người bị kết án không bị kết án về một tội thuộc lĩnh vực quân sự;

(d) Tại thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án vẫn còn phải chấp hành hình phạt ít nhất là sáu (06) tháng hoặc đang chấp hành hình phạt tù chung thân;

(e) Hành động hoặc không hành động đã bị áp dụng hình phạt cũng cấu thành tội phạm hình sự theo pháp luật của Bên nhận; điều kiện này không được giải thích để đòi hỏi tội phạm đó phải được quy định như nhau trong pháp luật của cả hai Bên đối với những vấn đề không ảnh hưởng đến bản chất của tội phạm đó;

(f) Việc chuyển giao người bị kết án không được xâm hại tới chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc bất kỳ lợi ích cơ bản nào khác của các Bên;

(g) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án, hoặc sự đồng ý của bất kỳ người nào khác đại diện hợp pháp cho người bị kết án phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên đó trong trường hợp một trong hai Bên khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tâm thần của người bị kết án thấy cần thiết; và

(h) Bên chuyển giao và Bên nhận đều đồng ý việc chuyển giao.

2. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án có thể bị từ chối nếu Bên chuyển giao có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo tại Bên nhận.

ĐIỀU 5

Thủ tục chuyển giao

1. Các Bên sẽ thông báo cho người bị kết án về quyền được chuyển giao theo quy định của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao đến Bên chuyển giao và Bên chuyển giao đồng ý về nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao, thì Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận ngay khi có thể, đồng thời cung cấp các thông tin sau:

(a) Họ tên, quốc tịch, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh của người bị kết án và nơi ở cuối cùng hoặc địa chỉ thường trú cuối cùng của người đó tại Bên nhận (nếu có) cùng với một bản sao hộ chiếu hoặc bất kỳ giấy tờ tùy thân nào khác và nếu có thể, cả dấu vân tay của người bị kết án;

(b) Bản mô tả tình tiết sự kiện làm cơ sở cho việc kết án và tuyên hình phạt;

(c) Bản chất, thời hạn và ngày bắt đầu chấp hành hình phạt, ngày chấp hành xong hình phạt, nếu có, thời gian đã chấp hành hình phạt của người bị kết án và bất kỳ sự miễn giảm hình phạt nào mà người đó được hưởng vì những việc đã làm, do có thái độ cải tạo tốt, do đã bị giam giữ trước khi xét xử hoặc vì lý do khác;

(d) Một bản sao chứng thực bản án và bản sao các quy định pháp luật có liên quan mà căn cứ vào đó hình phạt đã được tuyên đối với người bị kết án;

(e) Một bản báo cáo về tình trạng sức khỏe, quan hệ xã hội hoặc bất kỳ báo cáo nào khác liên quan đến tiểu sử và tính cách của người bị kết án, để làm cơ sở cho việc từ chối đơn xin chuyển giao của người đó hoặc để quyết định biện pháp giam giữ người đó, nếu có;

(f) Các thông tin khác do Bên nhận yêu cầu để giúp cho việc xem xét khả năng chuyển giao người bị kết án và giúp thông báo cho người bị kết án về hậu quả đầy đủ của việc chuyển giao theo luật của Bên nhận; và

(g) Văn bản đề nghị được chuyển giao của người bị kết án hoặc của người đại diện hợp pháp của người đó phù hợp với luật của Bên chuyển giao.

3. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao với Bên nhận, Bên nhận sẽ thông báo cho Bên chuyển giao. Nếu Bên chuyển giao đồng ý về nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao, thì sẽ thông báo ngay khi có thể cho Bên nhận bằng văn bản và cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nếu Bên nhận sau khi xem xét các thông tin do Bên chuyển giao cung cấp, đồng ý tiến hành việc chuyển giao thì thông báo ngay bằng văn bản cho Bên chuyển giao biết và cung cấp các thông tin sau:

(a) Một bản tuyên bố khẳng định người bị kết án này là công dân của Bên nhận phù hợp với quy định của Hiệp định này; và

(b) Một bản sao luật hiện hành của Bên nhận quy định rằng hành động hoặc không hành động làm căn cứ để tuyên hình phạt tại Bên chuyển giao cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên nhận, hoặc có thể cấu thành tội phạm nếu thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(c) Một thông báo về hiệu lực của bất kỳ luật hoặc quy định liên quan đến việc giam giữ người bị kết án tại Bên nhận sau khi người này được chuyển giao, kể cả một thông báo về việc áp dụng khoản 2 Điều 8 Hiệp định này đối với việc chuyển giao, nếu có;

(d) Văn bản xác nhận của Bên nhận đồng ý việc chuyển giao người bị kết án và bản cam kết thi hành phần thời hạn hình phạt còn lại của người bị kết án phạt tù; và

(e) Các thông tin hoặc tài liệu khác mà Bên chuyển giao xét thấy cần thiết.

5. Nếu Bên chuyển giao đồng ý với việc chuyển giao thì cung cấp cho Bên nhận những thông tin, tài liệu sau đây ngay khi có thể:

(a) Một bản tuyên bố đồng ý chuyển giao của người bị kết án;

(b) Văn bản khẳng định Bên chuyển giao đồng ý chuyển giao.

6. Khi các Bên đều đồng ý với việc chuyển giao thì sẽ chuẩn bị cho việc chuyển giao người bị kết án. Việc bàn giao người bị kết án từ cơ quan có thẩm quyền của Bên chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ được thực hiện vào thời gian và địa điểm trên lãnh thổ của Bên chuyển giao được hai Bên thống nhất.

7. Nếu một trong hai Bên quyết định không đồng ý với việc chuyển giao thì thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết ngay khi có thể.

8. Bên chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho người bị kết án về mọi hoạt động của Bên chuyển giao hoặc Bên nhận theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 6

Xác nhận sự đồng ý

1. Bên chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao theo điểm g khoản 1 Điều 4 Hiệp định này là tự nguyện và với

nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục thể hiện sự đồng ý với việc chuyển giao sẽ tuân theo pháp luật của Bên chuyển giao.

2. Bên chuyển giao phải tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh sự đồng ý của người bị kết án là phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 7

Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Bên nhận

1. Các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt bằng quyết định của Tòa án hoặc quyết định hành chính theo quy định của pháp luật quốc gia và phù hợp với các điều kiện được quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 10 của Hiệp định này, việc thi hành hình phạt sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật của Bên nhận và chỉ có Bên đó mới có thẩm quyền đưa ra các quyết định thích hợp.

ĐIỀU 8

Tiếp tục thi hành hình phạt tù

1. Bên nhận sẽ bị ràng buộc bởi bản chất pháp lý và thời hạn bản án mà Bên chuyển giao đã tuyên.

2. Nếu bản chất hoặc thời hạn của hình phạt đó không tương thích với pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt mà pháp luật của nước mình quy định đối với tội phạm tương tự. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận phải căn cứ vào các kết luận về tình tiết của vụ án được thể hiện trong biên bản làm việc của phiên tòa, cáo trạng, bản án hoặc hình phạt đã được Bên chuyển giao tuyên. Hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên về bản chất hoặc thời hạn cũng không vượt quá khung hình phạt cao nhất được quy định trong pháp luật của Bên nhận. Tuy nhiên, khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tù thành hình phạt tiền.

ĐIỀU 9

Hiệu lực của việc thi hành xong hình phạt đối với Bên chuyển giao

Khi Bên nhận thông báo cho Bên chuyển giao về việc hình phạt đã được thi hành xong theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Hiệp định này, thông báo đó sẽ có hiệu lực miễn trừ hình phạt của người bị kết án ở Bên chuyển giao.

ĐIỀU 10

Xem xét lại bản án và đặc xá, ân xá hoặc giảm án

1. Chỉ Bên chuyển giao có thẩm quyền giải quyết đơn xin xem xét lại bản án.

2. Bên chuyển giao hoặc Bên nhận có thể quyết định đặc xá, ân xá hay giảm án phù hợp với Hiến pháp và các luật khác của mình.

ĐIỀU 11

Chấm dứt việc thi hành hình phạt

1. Bên chuyển giao sẽ thông báo ngay cho Bên nhận bất kỳ quyết định nào được đưa ra trên lãnh thổ của Bên này mà dẫn đến chấm dứt việc thi hành toàn bộ hay một phần hình phạt.

2. Bên nhận sẽ chấm dứt thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt ngay khi Bên chuyển giao thông báo về bất kỳ quyết định hoặc biện pháp nào mà hậu quả là chấm dứt thi hành hình phạt.

ĐIỀU 12

Thông tin về việc thi hành hình phạt

1. Bên nhận sẽ thông báo cho Bên chuyển giao:

(a) Khi hoàn thành việc thi hành hình phạt; hoặc

(b) Khi người bị kết án bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt. Trong trường hợp phạm nhân bỏ trốn, Bên nhận sẽ tiến hành các biện pháp để bắt giữ người đó và truy cứu trách nhiệm người đó vì hành vi bỏ trốn theo quy định pháp luật của Bên nhận.

2. Bên nhận sẽ cung cấp một bản báo cáo đặc biệt về việc thi hành hình phạt nếu Bên chuyển giao yêu cầu.

ĐIỀU 13

Quá cảnh

1. Nếu một Bên ký kết thỏa thuận chuyển giao người bị kết án phạt tù với Bên thứ ba, Bên kia sẽ, phù hợp với pháp luật nước mình, hợp tác tạo điều kiện thuận lợi ngay khi có thể cho việc quá cảnh người bị kết án qua lãnh thổ của mình theo thỏa thuận đó. Bên có ý định quá cảnh phải thông báo trước cho Bên kia về việc quá cảnh đó.

2. Mỗi Bên có thể từ chối việc quá cảnh:

(a) Nếu người bị kết án là công dân của nước mình;

(b) Nếu yêu cầu quá cảnh có thể xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng hay bất kỳ lợi ích cơ bản nào của Bên đó.

ĐIỀU 14

Chi phí

Chi phí phát sinh trong việc chuyển giao người bị kết án hoặc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao do Bên nhận chi trả trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của Bên chuyển giao. Tuy nhiên, Bên nhận có thể thu lại một phần hoặc toàn bộ chi phí chuyển giao từ người bị kết án hoặc từ một số nguồn khác.

ĐIỀU 15

Ngôn ngữ

Yêu cầu chuyển giao và các tài liệu kèm theo phải được lập bằng tiếng Anh hoặc kèm theo bản dịch tiếng Anh được chứng thực.

ĐIỀU 16

Nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thoả thuận khác mà các Bên là thành viên.

ĐIỀU 17

Giải quyết bất đồng

1. Các Cơ quan trung ương sẽ nỗ lực giải quyết song phương mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này.

2. Trong trường hợp các Cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng, các Bên có thể giải quyết bất đồng thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 18

Bàn giao người bị kết án

1. Việc bàn giao người bị kết án từ Bên chuyển giao đến Bên nhận được thực hiện tại địa điểm và thời gian do các Bên thỏa thuận. Bên nhận chịu trách nhiệm về việc di chuyển phạm nhân từ Bên chuyển giao và cũng chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án đó ở ngoài lãnh thổ của Bên chuyển giao.

2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù phải được lập thành hai bản bằng tiếng Anh.

ĐIỀU 19

Sửa đổi, bổ sung

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hiệp định này được các Bên đồng thuận sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như chính Hiệp định này.

ĐIỀU 20

Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn theo pháp luật của mỗi Bên. Mỗi Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia vào thời điểm sớm nhất có thể, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày văn kiện phê chuẩn sau được thông báo.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, Hiệp định này có thể chấm dứt hiệu lực khi một Bên gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực cho Bên kia. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo đó.

3. Khi Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với yêu cầu chuyển giao đã được gửi trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại Colombo ngày 07 tháng 4 năm 2014 bằng tiếng Việt, tiếng Sinhala và tiếng Anh, mỗi bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp nảy sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DÂN CHỦ XRI LAN-CA**
ĐẠI TƯỚNG TRẦN ĐẠI QUANG **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**	**NGÀI RAUF HAKEEM** **BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

TREATY

ON

THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF SRI LANKA

TREATY
ON
THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF SRI LANKA

The Socialist Republic of Viet Nam and the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka (hereinafter referred to individually as the Party and collectively as the Parties),

Desiring to facilitate the social rehabilitation of sentenced persons into their own countries,

Considering that this objective should be fulfilled by giving foreign nationals, who have been convicted and sentenced as a result of their commission of an offence, the opportunity to serve their sentences in their own country,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
Definitions

For the purpose of this Treaty:

(a) "judgment" means a decision or order of a court or tribunal imposing a sentence;

(b) "Receiving Party" means the State to which the sentenced person may be, or has been, transferred in order to serve his sentence or remainder thereof;

(c) "Transferring Party" means the State from which the sentenced person may be, or has been transferred;

(d) "sentence" means imprisonment imposed by a court or tribunal for a determinate period of time or for life imprisonment in the exercise of its criminal jurisdiction;

(e) "sentenced person" means a person undergoing a sentence of imprisonment under a judgment passed by a court established under the law for the time being in force in the Parties.

ARTICLE 2

General Principles

1. The Parties shall afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty and the national law of each Party.

2. A person sentenced in the territory of one Party may be transferred under this Treaty, to the territory of the other Party in order to serve the whole or part of the sentence imposed on such person. For this purpose, such person should express the willingness to such transfer.

3. Transfer may be requested by any sentenced person who is a citizen of a Party or by any other person who is also a citizen of a Party and who is entitled to act on behalf of the sentenced person by making an application to either Party and in accordance with the laws of that Party.

4. The transfer of a sentenced person may also be requested by either the Transferring Party or the Receiving Party.

ARTICLE 3

Central Authorities

1. For the purpose of implementing this Treaty, each Party shall designate a Central Authority.

2. Central Authorities in charge of the implementation of this Treaty for the Parties are:

- For the Socialist Republic of Viet Nam: the Ministry of Public Security;

- For the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka: the Ministry in charge of the subject of Justice.

3. In case either Party changes its Central Authority, it shall notify the other Party as soon as practicable of the same through diplomatic channels.

4. Unless otherwise required by this Treaty, the Central Authorities may communicate directly with each other for the purposes of this Treaty.

ARTICLE 4

Conditions for Transfer

1. A sentenced person may be transferred under this Treaty on the following conditions:

(a) the person is a citizen of the Receiving Party;

(b) the judgment is final and no other legal proceedings are pending against the sentenced person in the Transferring Party;

(c) the sentenced person has not been convicted for an offence in the military field;

(d) at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person has still at least six (06) months of the sentence to serve or is undergoing a sentence of life imprisonment;

(e) the acts or omissions for which the sentence has been imposed would constitute a criminal offence under the law of the Receiving Party; this condition shall not be interpreted to require that the offence described in the laws of both Parties be identical with respect to matters that do not affect the essential nature of the offence;

(f) the transfer of the sentenced person shall not be prejudicial to the sovereignty, national security or any other essential interest of the Parties;

(g) consent to the transfer is given by the sentenced person or, where in view of his/her age or physical or mental condition either Party considers it necessary, that the consent be given by any other person entitled to act on his/her behalf in accordance with the national laws of the Party; and

(h) the Transferring Party and the Receiving Party agree to the transfer.

2. The request for the transfer of a sentenced person may be refused if there exists in the opinion of the Transferring Party, grounds to believe that the sentenced person would be subjected to torture, inhuman or degrading treatment or punishment in the Receiving Party.

ARTICLE 5

Procedures for Transfer

1. The Parties shall endeavour to inform sentenced persons of the substance of this Treaty.

2. If a sentenced person expresses an interest to the Transferring Party to be transferred, and the Transferring Party is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring Party shall as soon as practicable inform the Receiving Party in writing, and provide the following information:

(a) the name, citizenship, date and place of birth of the sentenced person and his/her last location or last permanent address (if available), in the Receiving Party along with a copy of his/her passport or any other personal identification documents, and fingerprints of the sentenced person, if possible;

(b) a statement of the facts upon which the conviction and sentence were based;

(c) the nature, duration and date of commencement of the sentence, the termination date of the sentence, if applicable, and the length of time already served by the sentenced person and any remission to which he or she is entitled on account of work done, good behaviour, pre-trial confinement or other reasons;

(d) a certified copy of the judgment and a copy of the relevant provisions of the law under which the sentence has been passed against the sentenced person;

(e) if available, a medical, social or any other report regarding the antecedents and character of the sentenced person, where it is relevant for the disposal of his/her application or for deciding the nature of his/her confinement;

(f) any other information which the Receiving Party may specify as required, to enable it to consider the possibility of transfer and to enable it to inform the sentenced person of the full consequences of transfer for him/her under its laws; and

(g) the request of the sentenced person to be transferred or of a person entitled to act on his/her behalf in accordance with the laws of the Transferring Party.

3. If a sentenced person expresses an interest to the Receiving Party to be transferred, the Receiving Party shall so inform the Transferring Party. If the Transferring Party is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring Party shall as soon as practicable inform the Receiving Party in writing, and provide the information referred to in paragraph 2 of this Article.

4. If the Receiving Party, having considered the information which the Transferring Party has provided, is willing to proceed with the transfer, it shall as soon as practicable inform the Transferring Party in writing, and provide the following information:

(a) a statement indicating that the sentenced person is a citizen of the Receiving Party for the purposes of this Treaty; and

(b) a copy of the relevant law of the Receiving Party which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the Transferring Party constitute a criminal offence according to the law of the Receiving Party, and would constitute an offence if committed on its territory; and

(c) a statement on the effect, in relation to the sentenced person, of any law or regulation relating to that person's detention in the Receiving Party after that person's transfer, including a statement, if applicable, of the effect on paragraph 2 of Article 8 of this Treaty upon that person's transfer; and

(d) the willingness of the Receiving Party to accept the transfer of the sentenced person and an undertaking to administer the remaining part of the sentence of the sentenced person; and

(e) any other information or document which the Transferring Party may consider necessary.

5. If the Transferring Party is willing to proceed with the transfer, it shall as soon as practicable provide the Receiving Party with the following:

(a) a declaration containing the sentenced person's consent to the transfer;

(b) written confirmation of the Transferring Party's consent to the transfer.

6. Where the Parties have agreed to the transfer, they shall make arrangements for the transfer of the sentenced person. Delivery of the sentenced person by the competent authorities of the Transferring Party to those of the

Receiving Party shall occur on a date and at a place within the territory of the Transferring Party agreed upon by both Parties.

7. If either Party decides not to agree to the transfer, it shall as soon as practicable inform the other Party of its decision in writing.

8. The Transferring Party shall inform the sentenced person in writing of any action taken by the Transferring Party or the Receiving Party under the provisions of this Article.

ARTICLE 6

Verification of Consent

1. The Transferring Party shall ensure that the sentenced person required to give consent to the transfer in accordance with paragraph 1(g) of Article 4 of this Treaty, does so voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The procedures for giving such consent shall be governed by the law of the Transferring Party.

2. The Transferring Party shall afford an opportunity to the Receiving Party to verify whether the consent is given in accordance with the conditions set out in paragraph 1 of this Article.

ARTICLE 7

Effect of Transfer on the Receiving Party

1. The competent authorities of the Receiving Party shall continue the enforcement of the sentence through a court or administrative order, as may be required in accordance with its national laws and under the conditions set out in Article 8 of this Treaty.

2. Subject to the provisions of Article 10 of this Treaty, the enforcement of the sentence shall be governed by the laws of the Receiving Party and that Party alone shall be competent to take all appropriate decisions.

ARTICLE 8

Continued Enforcement of Sentence

1. The Receiving Party shall be bound by the legal nature and duration of the sentence as determined by the Transferring Party.

2. If the sentence is by its nature or duration incompatible with the laws of the Receiving Party, that Party may adapt the sentence in accordance with the sentence prescribed by its own law for a similar offence. When adapting the sentence, the appropriate authorities of the Receiving Party shall be bound by the findings of fact, insofar as they appear from any opinion, conviction, judgment, or sentence imposed in the Transferring Party. The adapted sentence shall be no more severe than that imposed by the Transferring Party in terms of nature or duration, nor exceed the maximum penalty prescribed by the law of the Receiving Party. When adapting the sentence, the competent authority of the Receiving Party may, however, not convert a sentence of imprisonment to a pecuniary sanction.

ARTICLE 9

Effect of Completion of Sentence on the Transferring Party

When the Receiving Party notifies the Transferring Party under paragraph 1 (a) of Article 12 of this Treaty that the sentence has been completed, such notification shall have the effect of discharging the sentence of the sentenced person in the Transferring Party.

ARTICLE 10

Review of Judgment and Pardon, Amnesty or Commutation

1. The Transferring Party alone shall decide on any application for review of the judgment.

2. The Transferring Party or the Receiving Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution and other laws.

ARTICLE 11

Termination of Enforcement of Sentence

1. The Transferring Party shall as soon as practicable notify the Receiving Party of any decision taken in its territory which entails terminating the enforcement of the sentence or part thereof.

2. The Receiving Party shall terminate enforcement of the sentence or part thereof as soon as it is informed by the Transferring Party of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

ARTICLE 12

Information on Enforcement of Sentence

1. The Receiving Party shall notify the Transferring Party:

(a) when the enforcement of the sentence has been completed; or

(b) if the sentenced person escapes from custody or dies before enforcement of the sentence has been completed. In the case of an escape of the prisoner, the Receiving Party shall take measures to secure his/her arrest and to render him/her liable for escaping under the relevant laws of the Receiving Party.

2. The Receiving Party shall furnish a special report concerning the enforcement of the sentence, if so required by the Transferring Party.

ARTICLE 13

Transit

1. If either Party enters into any arrangement for the transfer of sentenced persons with any third State, the other Party shall, in accordance with its laws, cooperate in facilitating as soon as practicable the transit through its territory of the sentenced person(s) being transferred pursuant to such arrangement. The Party intending to make such a transfer shall give advance notice to the other Party of such transit.

2. Each Party may refuse to grant transit:

(a) if the sentenced person is one of its own citizens.

(b) if the request may infringe upon the sovereignty, national security, public order or any other essential interest of the Party.

ARTICLE 14

Costs

Any cost incurred in relation to the transfer of the sentenced person or the continued enforcement of the sentence after transfer shall be borne by the Receiving Party, except costs incurred by the Transferring Party exclusively within the territory of the Transferring Party. The Receiving Party may, however, seek to recover all or a part of the costs of transfer from the sentenced person or some other source.

ARTICLE 15

Language

Requests and supporting documents shall be furnished in English or shall be accompanied by a certified translation into English.

ARTICLE 16

Obligations under other International Agreements

This Treaty shall not affect the rights or obligations of the Parties under other international Agreements or other Agreements to which they are a party.

ARTICLE 17

Settlement of Disputes

1. The Central Authorities shall endeavour to mutually resolve any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Treaty.

2. If the Central Authorities are unable to resolve the dispute mutually, it shall be resolved through diplomatic channels.

ARTICLE 18

Handing Over of Sentenced Persons

1. The handing over of the sentenced person by the Transferring Party to the Receiving Party shall occur at a place and time to be agreed upon between the Parties. The Receiving Party shall be responsible for the transfer of the prisoner from the Transferring Party and shall also be responsible for custody of the sentenced person outside the territory of the Transferring Party.

2. The handing over of the sentenced person shall be made in writing in duplicate in the English language.

ARTICLE 19

Amendments

Any amendment or modification to this Treaty agreed to by the Parties shall come into force in the same manner as the Treaty itself.

ARTICLE 20

Final Provisions

1. This Treaty shall be subject to ratification under the laws of each Party. Each Party shall notify the other as soon as practicable, in writing, through diplomatic channels, upon the completion of its legal procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall come into force on the first day of the second month of the date of the last notification.

2. The Treaty shall remain in force for an indefinite period. It may, however, be terminated by either of the Parties giving a written notice of termination to other Party. The termination shall come into effect six (06) months after the date on which such notice is received by the other Party.

3. Notwithstanding any termination, this Treaty shall continue to apply to the requests for the transfer of sentenced persons made before the date on which such termination comes into effect.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective States, have signed this Treaty.

Done in duplicate at Colombo on the 7th day of April 2014, in the Vietnamese, Sinhala and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF SRI LANKA
GENERAL TRAN DAI QUANG MINISTER OF PUBLIC SECURITY	HON. RAUF HAKEEM MINISTER OF JUSTICE

දඬුවම් විඳින තැනැත්තන් භාරදීම

සඳහා

වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය අතර

සහ

ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය

ඇතිකර ගන්නා

ගිවිසුම

දඬුවම් විදින තැනැත්තන් භාරදීම සඳහා වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය සහ ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය අතර ඇතිකර ගන්නා ගිවිසුම

විදේශ රටක දඬුවම් විඳින තැනැත්තන්ගේ සමාජීය පුනරුත්ථාපනය ඔවුන්ගේ මව් රට තුළ දී ඉටුකිරීමට පහසුකම් සැලසීමේ අපේක්ෂාවෙන් ද;

වරදක් සිදු කරීමේ ප්‍රතිඵලයක් වශයෙන් වරදකරු කොට, දඬුවම් පමුණුවා, විදේශ රටක දඬුවම් විඳින තැනැත්තන් වෙත ඔවුන්ගේ දඬුවම් කාලය තම මව් රට තුළ විඳීමේ අවස්ථාව ලබාදීම මඟින් යථෝක්ත අරමුණ සාක්ෂාත් කර ගත යුතු බව සැලකිල්ලට භාජනය කරමින් ද;

වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය සහ ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය (මෙහි මින් මතු තනි තනිව *පාර්ශ්වකරු* වශයෙන් ද සාමූහිකව *පාර්ශ්වකරුවන්* වශයෙන් ද හඳුන්වනු ලබන,) විසින් එකඟ වූ වග මෙසේ ය.

1 වන වගන්තිය

අර්ථ නිරූපණය

මෙම ගිවිසුමේ කාර්ය සඳහා,

(අ) "නඩු තීන්දුව" යන්නෙන් දණ්ඩන නියමයක් පමුණුවමින් අධිකරණයක් හෝ විනිශ්චයාධිකාරයක් විසින් කරන තීරණයක් හෝ නියෝගයක් අදහස් වේ.

(ආ) "භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය" යන්නෙන් සම්පූර්ණ දණ්ඩන නියමය හෝ ඒ දණ්ඩන නියමයේ ඉතිරි දඬුවම් කාලය විඳීම පිණිස දඬුවම් විඳින තැනැත්තා භාරදීම ලැබිය හැකි හෝ භාරදීම දීම ලැබී ඇති රාජ්‍යය අදහස් වේ.

(ඇ) "භාරදීම කරන පාර්ශ්වය" යන්නෙන් දණ්ඩන නියමය විඳින තැනැත්තා භාරදීම කරනු ලැබිය හැකි හෝ භාරදීම සිදු කර ඇති පාර්ශ්වය අදහස් වේ.

(ඈ) "දණ්ඩනය නියමය" යන්නෙන් යම් අධිකරණයක් හෝ විනිශ්චයාධිකාරයක් විසින් සිය අපරාධ අධිකරණ බලය ක්‍රියාත්මක කරමින් යම් නිශ්චිත කාලසීමාවක් සඳහා හෝ ජීවිතාන්තය දක්වා පනවන සිර දඬුවමක් අදහස් වේ.

(ඉ) "දඬුවම් විඳින තැනැත්තා" යන්නෙන් පාර්ශ්වකරුවන්ගේ රාජ්‍යයන්හි තක්කාලයේ බලපවත්නා නීතිය යටතේ ස්ථාපිත කර ඇති අධිකරණයක් මඟින් පනවන නඩු තීන්දුවක් ප්‍රකාරව සිරගත කිරීමකින් දණ්ඩන නියමයක් විඳින තැනැත්තකු අදහස් වේ.

2 වන වගන්තිය

පොදු මූලධර්ම

(1) දඬුවම් විඳින තැනැත්තන්, මෙම ගිවිසුමේ ඇතුළත් විධිවිධාන සහ එක් එක් පාර්ශ්වයේ ජාතික නීතිය අනුව, භාරදීම සම්බන්ධයෙන් පාර්ශවකරුවන් විසින් ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත පෘථුල සහයෝගිතාව දැක්විය යුතුය.

(2) යම් පාර්ශ්වයක දේශ සීමාවක දී දඬුවම් විඳින තැනැත්තකු වෙත පනවා ඇති ඒ දණ්ඩන නියමය සම්පූර්ණයෙන් ම හෝ ඉන් කොටසක් විඳීම සඳහා, මෙම ගිවිසුම යටතේ ඒ තැනැත්තා ඒ පාර්ශ්වයේ දේශ සීමාවේ සිට ඒ අනෙක් පාර්ශ්වයේ දේශ සීමාව වෙත භාරදීම කළ හැකිය. මෙම කාර්ය සඳහා ඒ දඬුවම් විඳින තැනැත්තා එවැනි භාරදීමක් සඳහා තම මනාපය ප්‍රකාශ කළ යුතුය.

(3) යම් තැනැත්තකු භාරදීම සම්බන්ධයෙන් කරන ඉල්ලීමක් එක් පාර්ශ්වයක පුරවැසිභාවය හිමි දඬුවම් විඳින තැනැත්තකු විසින් හෝ ඒ දඬුවම් විඳින තැනැත්තා වෙනුවෙන් ක්‍රියා කිරීමට හිමිකමක් ඇති සහ ඒ පාර්ශ්වයේ පුරවැසිභාවය හිමි තැනැත්තකුට ඒ පාර්ශයේ නීතිය අනුව ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත අයදුම්පත්‍රයක් ඉදිරිපත් කිරීම මඟින් කළ හැකිය.

(4) දඬුවම් විඳින තැනැත්තකු භාරදීමට කරන ඉල්ලීමක් භාරදීම කරන පාර්ශ්වය හෝ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් ද කළ හැකිය.

3 වන වගන්තිය

මධ්‍යම බලධාරීන්

(1) මෙම ගිවිසුම ක්‍රියාත්මක කිරීමේ කාර්ය සඳහා එක් එක් පාර්ශ්වය විසින් මධ්‍යම බලධාරියකු නම් කළ යුතුය.

(2) මෙම ගිවිසුම ක්‍රියාත්මක කිරීම භාරව සිටින පාර්ශ්වකරුවන්ගේ මධ්‍යම බලධාරීන් මෙසේ ය.

- වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය වෙනුවෙන් - මහජන ආරක්ෂක අමාත්‍යාංශය.
- ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය වෙනුවෙන් - අධිකරණ විෂය භාර අමාත්‍යාංශය.

(3) එක් එක් පාර්ශ්වය අදාළ මධ්‍යම බලධාරියා සම්බන්ධයෙන් සිදුවන යම් වෙනස්වීමක් ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික මට්ටමින් වහාම දැනුම් දිය යුතුය.

(4) මෙම ගිවිසුම යටතේ අන්‍යාකාරයකින් විධිවිධාන සැලසීම අවශ්‍ය වන්නේ නම් මිස, මෙම ගිවිසුමේ කාර්ය සඳහා මධ්‍යම බලධාරීන් විසින් සෘජුව ම අදහස් හුවමාරු කරගනු ලැබිය හැකිය.

4 වන වගන්තිය

හුවමාරු කිරීමේ කොන්දේසි

(1) දඬුවම් විඳින තැනැත්තකු පහත සඳහන් කොන්දේසි මත මෙම ගිවිසුම යටතේ භාරදීම කළ හැකිය.

(අ) දඬුවම් විඳින තැනැත්තා භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ පුරවැසියකු වීම

(ආ) නඩු කීන්දුව අවසානාත්මක වීම සහ දඬුවම් විඳින තැනැත්තාට එරෙහිව භාරදීම කරන පාර්ශ්වය

තුළ විභාග වෙමින් පවතින වෙනත් නඩු කටයුතු නොමැති වීම.

(ඇ) දඬුවම් විදින තැනැත්තා යුධමය වැරදි සම්බන්ධයෙන් වූ වරදකට වරදකරුවකු නොවීම.

(ඈ) භාරදීම සඳහා ඉල්ලීමක් ලබන අවස්ථාව වන විට දඬුවම් විදින තැනැත්තා විසින් විඳිය යුතු දඬුවම් කාලය අඩු තරමින් තවත් මාස 6 ක් තිබීම හෝ ජීවිතාන්තය දක්වා සිර දඬුවමකට යටත් වීම.

(ඉ) දණ්ඩනය පනවා ඇති ක්‍රියාවන් කිරීම හෝ නොකරහැරීම් තුළ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නීති යටතේ අපරාධ වරදක් සංයුක්ත වීම; මෙම කොන්දේසිය දෙපාර්ශ්වයේ නීතිවල විස්තර කරන වරද, ඒ වරදේ අත්‍යාවශ්‍ය ස්වභාවයට බලනොපාන කාරණාවක් සම්බන්ධයෙන් සර්ව සම වන බවට නියම කිරීමට අර්ථ නිරූපණය නොකළ යුතුය.

(ඊ) දඬුවම් විදින තැනැත්තන් භාර කර ගැනීම මඟින් පාර්ශ්වකරුවන්ගේ රාජ්‍යයන්හි ස්වෛරීභාවයට, ජාතික ආරක්ෂාවට හෝ වෙනත් යම් අත්‍යාවශ්‍ය පරමාර්ථයන්ට අගතියක් නොවිය යුතුය.

(උ) භාරදීම ඉටුකිරීම සඳහා දඬුවම් විදින තැනැත්තා විසින් කැමැත්ත ලබාදීම හෝ ඔහුගේ/ ඇයගේ වයස, ශාරීරික හෝ මානසික තත්ත්වය නිසා ඒ පාර්ශ්වයේ ජාතික නීති අනුව ඔහු / ඇය වෙනුවෙන් ක්‍රියා කිරීමට හිමිකම් ඇති වෙනත් යම් තැනැත්තකු විසින් ඒ සඳහා කැමැත්ත ප්‍රකාශ කිරීම අවශ්‍ය බව දෙපාර්ශ්වයෙන් යම් කවර ම වූ එක් පාර්ශ්වයක් විසින් සැලකීම.

(ඌ) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය සහ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් එකී භාරදීම සඳහා එකඟ විය යුතුය.

2. දඬුවම් විදින තැනැත්තාට භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ දී වධ හිංසා හෝ කෲර අමානුෂික හෝ අවමන් සහගත සැලකිල්ලකට නොහොත් දඬුවමකට යටත් කරන බවට විශ්වාස කිරීමට හේතු තිබෙන බවට භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ මතය වන විට, දඬුවම් විදින තැනැත්තා භාරදීම සඳහා කරන ඉල්ලීමක් ප්‍රතික්ෂේප කළ හැකිය.

5 වන වගන්තිය

භාරදීමේ කාර්ය පටිපාටිය

(1) පාර්ශ්වකරුවන් විසින් මෙම ගිවිසුමේ හරය දඬුවම් විදින තැනැත්තන්ට දැන්වීමට උත්සාහ ගත යුතුය.

(2) දඬුවම් විදින තැනැත්තා තමන් භාරදීම කරන ලෙස තම කැමැත්ත භාරදීම කරන පාර්ශ්වයට ප්‍රකාශ කරන්නේ නම්, සහ භාරදීම කරන පාර්ශ්වය මූලික වශයෙන් භාරදීම සඳහා වන එම ඉල්ලීම අනුමත කිරීමට සූදානම් නම්, භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් ඒ බව පහත සඳහන් තොරතුරු ඇතුළත් ලියවිල්ලකින් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට වහාම දැන්විය යුතුය.

(අ) දඩුවම් විඳින තැනැත්තාගේ නම, පුරවසිභාවය, උපන් දිනය හා උපන් ස්ථානය සහ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ දී අවසන් වරට දන්නා ඔහු /ඇය සිටි ස්ථානය හෝ ස්ථිර පදිංචි ලිපිනය (තිබේ නම් පමණක්) හා ඔහුගේ /ඇයගේ ගමන් බලපත්‍රය හෝ අනන්‍යතාව ඔප්පු කළ හැකි වෙනත් යම් පෞද්ගලික ලියකියවිලි සහ හැකිනම් ඒ දඩුවම් විඳින තැනැත්තාගේ ඇඟිලි සලකුණු.

(ආ) වරදකරු කිරීම හා දඩුවම් පැමිණවීම පදනම් කරගත් කරුණු ඇතුලත් ප්‍රකාශයක්.

(ඇ) දණ්ඩන නියමයේ ස්වභාවය, දණ්ඩන නියමයේ කාලසීමාව හා ආරම්භ වන දිනය, (අදාළ වේ නම් දණ්ඩන නියමය අවසන් වන දිනය) දඩුවම් විඳින තැනැත්තා මේ දක්වා දඩුවම් විඳ ඇති කාලසීමාව, ඔහු හෝ ඇය සිරගතව සිටිය දී කළ වැඩ, යහපත් හැසිරීම, නඩු විභාගයට පෙර රඳවා තබාගත් කාලය, හෝ වෙනත් හේතු මත ඔහුට / ඇයට හිමිකම් ඇති දඩුවම් ලිහිල් කිරීමක් පිළිබඳ විස්තර.

(ඈ) නඩු තීන්දුවේ සහතික කළ පිටපතක් සහ දඩුවම් විඳින තැනැත්තාට එරෙහිව නියම කරන ලද දණ්ඩන නියමයට පාදක කරගත් අදාළ නෛතික විධිවිධානවල පිටපතක්.

(ඉ) දඩුවම් විඳින තැනැත්තාගේ අයදුම් පත්‍රය පිළිබඳව සුදුස්සක් කිරීම සම්බන්ධයෙන් හෝ ඔහු / ඇය රඳවා තබා ගැනීම තීරණය කිරීම් සම්බන්ධයෙන් අදාළ වන ඒ දඩුවම් විඳින තැනැත්තාගේ පූර්ව ක්‍රියා කලාපය සහ චරිතය සම්බන්ධ වෛද්‍ය, සමාජීය හෝ වෙන යම් වාර්තාවක් (තිබේ නම්)

(ඊ) භාරදීම ඉටුකිරීමේ හැකියාව සලකා බැලීමට භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට හැකිවන බවට හා ඒ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නීති යටතේ ඒ දඩුවම් විඳින තැනැත්තා භාරදීම ඉටුකර ගැනීමේ සම්පූර්ණ ප්‍රතිඵලය ඔහුට හෝ ඇයට දැනුම් දීමට ඒ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට හැකිවන බවට අවශ්‍ය යයි නියම කරන වෙනත් යම් තොරතුරු.

(උ) භාරදීම ඉටුකරවා ගැනීමට දඩුවම් විඳින තැනැත්තා විසින් කරන හෝ භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ නීතිවලට අනුකූලව ඔහු / ඇය වෙනුවෙන් ක්‍රියා කිරීමට හිමිකම් ඇති තැනැත්තකු විසින් කරන ඉල්ලීම.

(3) භාරදීම ඉටුකරන ලෙස දඩුවම් විඳින තැනැත්තකු විසින් සිය කැමැත්ත භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට පළ කරන්නේ නම්, භාරදීම කරන පාර්ශ්වයට එම භාරදීම ඉටුකිරීම එපරිදි දැනුම් දිය යුතුය. භාරදීම ඉටුකිරීම පිණිස කරන ඉල්ලීම මූලික වශයෙන් අනුමත කිරීමට භාරදීම කරන පාර්ශ්වය සූදානම් වන්නේ නම් මෙම ව්‍යවස්ථාවේ 2 වන ඡේදයේ සඳහන් තොරතුරු භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය වෙත වහාම සැපයිය යුතුය.

(4) භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ ඇති තොරතුරු සලකා බැලීමෙන් පසුව, භාරදීම ඉටුකිරීම සම්බන්ධයෙන් ඉදිරි කටයුතු කරගෙන යාමට සිය කැමැත්ත දක්වන්නේ නම්, ඒ බව භාරදීම කරන පාර්ශ්වයට ලිඛිතව වහාම දැනුම් දී පහත සඳහන් තොරතුරු සැපයිය යුතුය.

(අ) දඬුවම් විඳින තැනැත්තා මෙම ගිවිසුමේ කාර්ය සඳහා භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ පුරවැසියකු වන බවට පිළිබිඹු කරන ප්‍රකාශයක්.

(ආ) භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ දී එකී දණ්ඩන නියමය පැනවීමට පාදක වූ ක්‍රියාවන් හෝ නොකරහැරීම් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නීතිය අනුව අපරාධ වරදක් සංයුක්ත වන බවට සහ ඒ ක්‍රියාවන් හෝ නොකරහැරීම් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ දේශ සීමාව තුළ දී කළහොත් අපරාධ වරදක් සංයුක්ත වන බවට විධිවිධාන සලසන, භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ අදාළ නීතියේ පිටපතක්.

(ඇ) දඬුවම් විඳින තැනැත්තා භාරදීමෙන් පසුව භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ දී ඒ තැනැත්තා රඳවා තබා ගැනීම හා සම්බන්ධ ඒ තැනැත්තාට බලපාන යම් නීතිය හෝ රෙගුලාසියක බලපෑම සම්බන්ධ ප්‍රකාශනයක්, හා අදාළ වේ නම්, ඒ තැනැත්තා භාරදීමෙන් පසුව මෙම ගිවිසුමේ 8 වන වගන්තියේ 2 වන ඡේදයේ බලපෑම දැක්වෙන ප්‍රකාශයක්.

(ඈ) දඬුවම් විඳින තැනැත්තකු භාරදීම පිළිගැනීමට භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය දක්වන කැමැත්ත සහ දඬුවම් විඳින තැනැත්තාගේ ඉතිරි වූ දඬුවම් කාලය පරිපාලනය කිරීමට බාර ගැනීම.

(ඉ) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය අවශ්‍ය යයි සලකන යම් වෙනත් තොරතුරු හෝ ලේඛන.

(5) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් භාරදීම සම්බන්ධ ඉදිරි කටයුතු කරගෙන යාමට සිය කැමැත්ත පළකරන්නේ නම්, ඒ බව සඳහන් කරමින් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට වහාම පහත සඳහන් තොරතුරු සැපයිය යුතුය.

(අ) භාරදීම සඳහා දඬුවම් විඳින තැනැත්තාගේ කැමැත්ත ඇතුළත් ප්‍රකාශයක්.

(ආ) භාරදීම සඳහා භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ මනාපය සනාථ කෙරෙන ලිඛිත ප්‍රකාශයක්.

(6) භාරදීම ඉටුකිරීම සඳහා පාර්ශ්වකරුවන් එකඟ වී ඇති විටක, දඬුවම් විඳින තැනැත්තා භාරදීම සඳහා ඔවුන් විසින් කටයුතු සූදානම් කළ යුතුය. භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ නිසි බලධාරීන් විසින් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නිසි බලධාරීන් වෙත ඒ දඬුවම් විඳින තැනැත්තා භාරදීම, දෙපාර්ශ්වය විසින් එකඟ වන භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ දේශසීමාව තුළ යම් දිනයක දී යම් ස්ථානයක දී සිදුවිය යුතුය.

(7) දෙපාර්ශ්වයෙන් යම් කවර ම වූ පාර්ශ්වයක් භාරදීම සඳහා එකඟ නොවීමට තීරණය කරන්නේ නම්, ඒ පාර්ශ්වයේ තීරණය ඒ අනෙක් පාර්ශ්වයට වහාම ලියවිල්ලකින් දැනුම් දිය යුතුය.

(8) මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන ප්‍රකාරව භාරදීම කරන පාර්ශ්වය හෝ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් ගනු ලබන යම් කවර ම වූ ක්‍රියාමාර්ගයක් භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් දඬුවම් විදින තැනැත්තාට දැනුම් දිය යුතුය.

6 වන වගන්තිය

කැමැත්ත තහවුරු කර ගැනීම

(1) මෙම ගිවිසුමේ 4 වන වගන්තියේ 1(ජී) ඡේදයට අනුව භාරදීම ඉටුකිරීම පිණිස දඬුවම් විදින තැනැත්තකු විසින් දීමට නියම කරන කැමැත්ත ස්වේච්ඡාවෙන් නොකරන එහි අඩංගු නෛතික ප්‍රතිඵලයන් පිළිබඳ මනා දැනීමකින් සහිතව ඉදිරිපත් කරන කැමැත්තක් බවට භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් සහතික කරගත යුතුය. එවැනි කැමැත්තක් පළකිරීමේ කාර්ය පටිපාටිය භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ නීතිය මඟින් පාලනය විය යුතුය.

(2) මෙම වගන්තියේ 1 වන ඡේදයේ දක්වා ඇති කොන්දේසිවලට අනුකූලව කැමැත්ත ප්‍රකාශ කර තිබේ ද යන්න භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට තහවුරු කර ගැනීමට අවස්ථාවක් භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් සලසා දිය යුතුය.

7 වන වගන්තිය

භාරදීම ඉටුකිරීම භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට බලපාන ආකාරය

(1) භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් දණ්ඩන නියමය බලාත්මක කිරීම, භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ ජාතික නීති අනුව හා මෙම ගිවිසුමේ 8 වන වගන්තියේ දක්වා ඇති කොන්දේසිවලට යටත්ව නියම කරනු ලැබිය හැකි පරිදි අධිකරණ නියෝගයක් හෝ පරිපාලන ආඥාවක් හරහා අඛණ්ඩව ම සිදුවිය යුතුය.

(2) දණ්ඩන නියමය බලාත්මක කිරීම, මෙම ගිවිසුමේ 10 වන වගන්තියේ විධිවිධානවලට යටත්ව, භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නීති මඟින් පාලනය විය යුතු අතර, එම පාර්ශ්වය සුදුසු සියලුම තීරණ ගැනීම සම්බන්ධයෙන් තනි නිසි බලධාරී විය යුතුය.

8 වන වගන්තිය

දණ්ඩන නියමය අඛණ්ඩවම බලාත්මක කිරීම

(1) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් තීරණය කරන දණ්ඩන නියමයේ නෛතික ස්වභාවය සහ දණ්ඩන නියමයේ කාලසීමාව මඟින් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය බැඳී සිටිය යුතුය.

(2) යම් දණ්ඩන නියමයක් ඒ දණ්ඩන නියමයේ ස්වභාවය සහ කාලසීමාව අනුව භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නීතිවලට පරස්පර විරෝධී නම්, ඒ පාර්ශ්වයට ඒ දණ්ඩන නියමය ඒ පාර්ශ්වයේ නීතිය මඟින් ඊට සමාන වරදකට නියම කර ඇති දණ්ඩනයට අනුව සුදුසු පරිදි සකස් කරගත හැකිය. එලෙස දණ්ඩන නියමයන් සුදුසු පරිදි සකස් කර ගැනීමේ දී භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ මතය, වරදකරු කිරීම, නඩු තීන්දුව හෝ පනවන දණ්ඩනය මඟින් පෙනී යන තාක් දුරට අන්තර්ගත කරන කරුණු පිළිබඳ තීරණ මඟින් එකී භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය අනුගමනය විය යුතුය. සුදුසු පරිදි සකස් කරගන්නා දණ්ඩන නියමයේ ස්වභාවය සහ කාලය සම්බන්ධයෙන් භාරදීම කරන

පාර්ශ්වය විසින් පනවන දණ්ඩනයට වඩා බරපතළ නොවිය යුතු අතර, භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නීති මඟින් නියම කරන උපරිම දඩුවම ඉක්ම නොවිය යුතුය. එමෙන් ම දණ්ඩන නියමය සුදුසු පරිදි සකස් කිරීමේ දී ඒ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ නිසි බලධාරියා විසින් සිරගත කිරීමේ දඩුවමක් මූල්‍යමය තහනමක් බවට කෙසේ වුව ද පරිවර්තනය නොකළ යුතුය.

9 වන වගන්තිය

භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ දී දණ්ඩන නියමය සම්පූර්ණ කිරීමේ ප්‍රතිඵලය

දණ්ඩන නියමය සම්පූර්ණයෙන් විඳ ඇති බව, මෙම ගිවිසුමේ 12 වගන්තියේ 1(අ) ඡේදය යටතේ, භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් භාරදීම කරන පාර්ශ්වයට දැනුම් දෙන අවස්ථාවක දී දඩුවම් විඳින තැනැත්තාට අදාළ දණ්ඩන නියමයෙන් ඒ තැනැත්තා භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ දී නිදහස් වන බවට එකී දැන්වීමේ ප්‍රතිඵලය විය යුතුය.

10 වන වගන්තිය

නඩු කීන්දුව සමාලෝචනය කිරීම සහ සමාව,

පොදු සමාව හෝ දඩුවම ලිහිල් කිරීම

(1) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය පමණක් යම් ඉල්ලීමක් මත නඩු කීන්දුව සමාලෝචනය කිරීම පිළිබඳ තීරණය කළ යුතුය.

(2) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය හෝ භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය දෙරටේ පවත්නා ව්‍යවස්ථාව සහ වෙනත් නීතිවලට අනුකූලව දණ්ඩන නියමය සලකා සමාව ලබාදීම, පොදු සමාව ලබාදීම හෝ දණ්ඩනය ලිහිල් කිරීම හෝ සිදු කළ හැකිය.

11 වන වගන්තිය

දණ්ඩන නියමය බලාත්මක කිරීම අවසාන කිරීම

(1) භාරදීම කරන පාර්ශ්වය දණ්ඩන නියමය හෝ ඉන් කොටසක් සිය දේශසීමාව තුළ දී බලාත්මක කිරීම අවසාන කරමින් ගන්නා යම් තීරණයක් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයට වහාම දැනුම් දිය යුතුය.

(2) දණ්ඩන නියමය බලාත්මකව පැවතීම නතර වීමේ ප්‍රතිඵලයක් වශයෙන් භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් එළඹී ඇති යම් තීරණයක් හෝ ගෙන ඇති යම් පියවරක් පිළිබඳව ඒ පාර්ශ්වය විසින් දැනුම් දුන් වහාම භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් දණ්ඩන නියමය හෝ ඉන් කොටසක් බලාත්මක කිරීම අවසාන කළ යුතුය.

12 වන වගන්තිය

දණ්ඩන නියමය බලාත්මක කිරීම පිළිබඳ තොරතුරු

(1) භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින්,

(අ) දණ්ඩන නියමය ක්‍රියාත්මක වීම සම්පූර්ණ වී තිබෙන අවස්ථාවක දී ; හෝ

(ආ) දඩුවම් විඳින තැනැත්තා සිරභාරයෙන් පැනයාම හෝ දණ්ඩන නියමය ක්‍රියාත්මක වීම සම්පූර්ණ වීමට පෙර මිය යාම සිදු වුවහොත් භාරදීම කරන පාර්ශ්වය වෙත දැනුම් දිය යුතුය.

සිරකරුවකු පැන යාම සිදු වූ අවස්ථාවක දී, භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය ඔහු / ඇය සිරභාරයට ගැනීමට ක්‍රියාමාර්ග ගත යුතු අතර, ඒ පැන යාම සඳහා ඔහුට / ඇයට එරෙහිව භාරදීම ලබන පාර්ශ්වයේ අදාළ නීති යටතේ නිත්‍යානුකූල පියවර ගත යුතුය.

(2) දණ්ඩන නියමය ක්‍රියාත්මක කිරීම සම්බන්ධයෙන් විශේෂ වාර්තාවක් ලබාදෙන ලෙසට භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් නියම කළ විට, ඒ වාර්තාව භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් ඉදිරිපත් කළ යුතුය.

13 වන වගන්තිය

දේශ සීමා පසුකර යාම

(1) දෙපාර්ශ්වයෙන් යම් කවර ම වූ එක් පාර්ශ්වයක් දඩුවම් විඳින තැනැත්තන් තෙවැනි රාජ්‍යයක් සමඟ භාරදීමේ ක්‍රියා පිළිවෙතකට එළඹී සිටින්නේ නම්, ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය, ඒ පාර්ශ්වයේ නීතිවලට අනුකූලව

එකී ක්‍රියා පිළිවෙත ප්‍රකාරව භාරදීම කරන ඒ දඩුවම් විඳින තැනැත්තා / තැනැත්තන් ඒ දේශ සීමාව හරහා භාරදීම පිණිස ප්‍රායෝගිකව හැකි ඉක්මණින් පහසුකම් සලසමින් උපකාර කළ යුතුය. එවැනි භාරදීමක් කිරීමට අදහස් කරන පාර්ශ්වය එකී භාරදීම පිළිබඳව අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත කල්වේලා ඇතිව දැනුම් දිය යුතුය.

(2) එක් එක් පාර්ශ්වය විසින් එවැනි භාරදීමක් ප්‍රදානය කිරීම,

(අ) දඩුවම් විඳින තැනැත්තා එම රටේ ම පුරවැසියෙකු නම් ;

(ආ) ඒ ඉල්ලීම එම පාර්ශ්වයේ ස්වෛරීභාවය, ජාතික ආරක්ෂාව, මහජන සාමය හෝ වෙනත් යම් අත්‍යාවශ්‍ය පරමාර්ථයක් උල්ලංඝනය විය හැකි නම්;

ප්‍රතික්ෂේප කළ හැකිය.

14 වන වගන්තිය

පිරිවැය

භාරදීම කරන පාර්ශයේ දේශ සීමාව තුළ දී ඒ භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් අනන්‍ය වශයෙන් දරන පිරිවැය හැර, දඩුවම් විඳින තැනැත්තකු භාරදීම හෝ ඒ භාරදීමෙන් පසු දණ්ඩන නියමය තවදුරටත් ක්‍රියාත්මක කිරීම සම්බන්ධයෙන් දරන යම් පිරිවැයක් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් දැරිය යුතුය. භාරදීම සඳහා දරනු ලැබූ පිරිවැය සම්පූර්ණයෙන් ම හෝ ඉන් කොටසක් දඩුවම විඳින තැනැත්තාගෙන් හෝ වෙනත් මූලාශ්‍රයකින් කෙසේ හෝ පියවා ගැනීමට භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය විසින් අපේක්ෂා කළ හැකිය.

15 වන වගන්තිය

භාෂාව

ඉල්ලීම් සහ ආඛ්‍යාරක ලේඛන ඉංග්‍රීසි භාෂාවෙන් හෝ ඉංග්‍රීසි භාෂාවට පරිවර්තනය කර සහතික කළ පිටපත් සහිතව ඉදිරිපත් කළ යුතුය.

16 වන වගන්තිය

වෙනත් ජාත්‍යන්තර ගිවිසුම් යටතේ ඇති බැඳීම්

මෙහි පාර්ශ්වකරුවන් පාර්ශ්වයන් වශයෙන් පෙනී සිටින වෙනත් ජාත්‍යන්තර ගිවිසුම් හෝ වෙනත් ගිවිසුම් යටතේ ඒ පාර්ශ්වල අයිතීන් හා බැඳීම්වලට මෙම ගිවිසුමෙන් බලපෑමක් ඇති නොවිය යුතුය.

17 වන වගන්තිය

ආරවුල් නිරාකරණය

(1) මෙම ගිවිසුම අර්ථ නිරූපණය කිරීම, අදාළ කර ගැනීම හෝ ක්‍රියාත්මක කිරීම නිසා පැන නගින යම් කවර ම වූ ආරවුල් අන්‍යෝන්‍ය වශයෙන් විසඳා ගැනීම පිණිස මධ්‍යම බලධාරීන් උත්සාහ කළ යුතුය.

(2) ආරවුල අන්‍යෝන්‍ය එකඟතාව මත විසඳා ගැනීමට මධ්‍යම බලධාරීන්ට නොහැකි වූ අවස්ථාවක, එය රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික මැදිහත්වීම ඔස්සේ විසඳා ගත යුතුය.

18 වන වගන්තිය

දඬුවම් විදින තැනැත්තන් භාර දීම

(1) දඬුවම් විදින තැනැත්තන් භාරදීම කරන පාර්ශ්වය විසින් භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය වෙත භාර දෙනු ලැබීම ඒ පාර්ශ්වකරුවන් අතර ඇතිකර ගත් එකඟතාව ප්‍රකාර යම් ස්ථානයක දී සහ යම් වේලාවක දී සිදු කළ යුතුය. භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ සිටින සිරගත වූ තැනැත්තන් භාරදීම සඳහා මෙන් ම භාරදීම කරන පාර්ශ්වයේ දේශ සීමාවෙන් බැහැර වන දඬුවම් විදින තැනැත්තන්ගේ භාරකාරත්වය සඳහා ද භාරදීම ලබන පාර්ශ්වය වගකීමට බැඳී සිටිය යුතුය.

(2) දඬුවම් විදින තැනැත්තන් භාරදීම ඉංග්‍රීසි භාෂාවෙන් පිටපතක් සහිත ලියවිල්ලකින් විය යුතුය.

19 වන වගන්තිය

සංශෝධන

පාර්ශ්වකරුවන්ගේ එකඟතාවය මත මෙම ගිවිසුමට කරන යම් සංශෝධන සහ සුළු වෙනස්කිරීම්, ගිවිසුමේ සඳහන් ආකාරයට ම බලාත්මක විය යුතුය.

20 වන වගන්තිය

අවසානාත්මක විධිවිධාන

(1) මෙම ගිවිසුම එක් එක පාර්ශ්වයේ නීති යටතේ අපරාතුමැතියට යටත් විය යුතුය. මෙම ගිවිසුම බලාත්මක කිරීම පිණිස එළඹීමට නියම කරන නෛතික කාර්ය පටිපාටි සම්පූර්ණ කිරීමෙන් පසු, එක් එක් පාර්ශ්වය ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත වහාම රාජතාන්ත්‍රික මට්ටමින් ලිඛිතව දැනුම් දිය යුතුය. අවසාන දැන්වීමෙන් දෙවන මාසයේ පළමු දිනයේ මෙම ගිවිසුම ක්‍රියාත්මක විය යුතුය.

(2) දින නියමයක් නොමැති කාලසීමාවක් සඳහා මෙම ගිවිසුම බලාත්මකව පැවැතිය යුතුය. එසේ වුව ද, දෙපාර්ශ්වයෙන් යම් කවර ම වූ එක් පාර්ශ්වයක් විසින් ගිවිසුම අවසාන කරන බව ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත ලිඛිතව දැනුම් දී මෙම ගිවිසුම අවසන් කළ හැකිය. එකී දැන්වීම ඒ අනෙක් පාර්ශ්වය වෙත ලැබුණ දින සිට මාස හයකින් (06) ගිවිසුම අවසාන විය යුතුය.

(3) අවසන් කිරීමක් පිළිබඳව කුමක් සඳහන් වුව ද, එකී අවසන් කිරීමේ දිනයට පෙර දඬුවම් විඳින තැනැත්තන් සම්බන්ධයෙන් ඉල්ලීම්වලට මෙම ගිවිසුම තවදුරටත් අදාළ විය යුතුය.

මීට සාක්ෂි පිණිස අදාළ රාජ්‍යයන් විසින් බලය පවරන ලද පහත සඳහන් පාර්ශ්වකරුවන් විසින් විධිමත් පරීදි අත්සන් කරන්නට යෙදුණි.

මෙම ලියවිල්ල වියට්නාම භාෂාවෙන්, සිංහල භාෂාවෙන් සහ ඉංග්‍රීසි භාෂාවෙන් පිටපත් සහිතව සමාන බලයෙන් සහ ප්‍රතිඵලයෙන් වර්ෂ 2014 ක් වූ අප්‍රේල් මස .....07.....වන දින කොළඹ දී අත්සන් කරන්නට යෙදුණි. අර්ථ නිරූපණයේ දී භාෂා පාඨ අතර අනනුකූලතාවක් මතු වුවහොත්, එවිට ඉංග්‍රීසි භාෂා පාඨය බලපැවැත්විය යුතුය.

වියට්නාම් සමාජවාදී ජනරජය වෙනුවට

ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය වෙනුවට

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng